

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 28-10-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Bà Huỳnh Thị Phụng.

2. Ông Đặng Văn Nhữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LA mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2021/HNGĐ-ST ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Huyền N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 1B, xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Tạm trú: Ấp Bình Tiên 1, xã ĐHH, huyện ĐH, tỉnh LA.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 4001 Đội 16, ấp 1B, xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C.

(Bà N, ông C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2021 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Huyền N trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA ngày 17/12/2013. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, ông C thường xuyên la mắng và đánh đập bà gây thương tích. Bà và ông C đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020. Từ khi ly thân đến nay, hai con do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Lê Thị Huyền N về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân và con chung. Ông thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân do cả hai phía, ông cũng đã hàn gắn nhưng không thành. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014; không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đồng ý để bà N được nuôi cháu Nguyễn Sang G, ông không cấp dưỡng nuôi cháu G.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2021/HNGĐ-ST ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH đã căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 273, 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền N đối với ông Nguyễn Văn C về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huyền N được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Bà Lê Thị Huyền N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014 và Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020. Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án

hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007764 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh LA sang án phí để thi hành.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 08/4/2021, ông Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm với lý do: Tòa án chưa xem xét đến các chứng cứ mà ông đã cung cấp như giấy xác nhận của chính quyền địa phương về việc bà N ngăn cản không cho thăm con, đoạn ghi âm bà N chửi mắng, đánh đuổi, xúc phạm không cho ông gặp con. Bà N không có nơi ở ổn định, đi ở nhà trọ, nay chỗ này mai chỗ khác làm ảnh hưởng đến việc học hành của cháu Q và việc phát triển của cháu G. Bà N không có việc làm, hiện chỉ ở nhà nuôi con, về lâu dài thì sẽ không đủ điều kiện để nuôi cả hai con. Có lần ông đến trường học thăm bé Q thì bé Q nói với ông rằng là không có sữa để uống; bé Q còn nói là mẹ bé nói sẽ dắt bé đi trốn, không cho gặp ông nữa. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm để cho ông được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014.

Ông Nguyễn Văn C bổ sung thêm kháng cáo là yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020. Vì bà N bỏ hai con chung và hiện tại ông là người nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo và các đương sự thỏa thuận với nhau như sau:

- Ông Nguyễn Văn C thống nhất giao con chung tên Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020 cho bà Lê Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Bà Lê Thị Huyền N thống nhất giao con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LA tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Huyền N đã thỏa thuận như sau: giao cháu Nguyễn Tú Q cho ông C và cháu Nguyễn Sang G cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn C kháng cáo hợp lệ và thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Theo xác nhận ngày 22/3/2021 của Công an xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA thấy rằng nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại huyện ĐH, tỉnh LA nên Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Trích lục kết hôn số 312/TLKH-BS ngày 11/8/2020 của Ủy ban nhân dân xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA thì bà Lê Thị Huyền N và ông Nguyễn Văn C là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm, các bên không kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2.3] Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận rằng ông Nguyễn Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014 và bà Lê Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020. Việc thỏa thuận này của ông C và bà N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Án sơ thẩm có đề cập tại phần nhận định của án sơ thẩm nhưng không quyết định tại phần quyết định của bản án là thiếu sót.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Nguyễn Văn C là có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Văn C phải chịu theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 300, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

Cải sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2021/HNGĐ-ST ngày 08-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 148, 273, 483, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Huyền N đối với ông Nguyễn Văn C về việc “ly hôn”.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Huyền N được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị Huyền N như sau:

[2.1] Ông Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tú Q, sinh ngày 28/11/2014.

[2.2] Bà Lê Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Sang G, sinh ngày 15/5/2020.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Huyền N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007764 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh LA sang án phí để thi hành.

[6] Án phí phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn C chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng mà ông C đã tạm nộp theo biên lai thu số 0007902 ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện ĐH, tỉnh LA.

[7] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LA;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh